

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án phát triển cấp nước tỉnh Bình Định

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch

Căn cứ Quyết định số 2502/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bình Định, kế hoạch triển khai đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 công trình cấp nước sạch nông thôn;

Căn cứ Kết luận số 453-KL/TU ngày 13/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn bản số 472/UBND-KT ngày 16/01/2025 của UBND tỉnh về việc nội dung liên quan đến phát triển cấp nước tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 11/TTr-SXD ngày 06 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển cấp nước tỉnh Bình Định với các nội dung chính như sau:

1. Tên đề án: Đề án phát triển cấp nước tỉnh Bình Định.

2. Phạm vi nghiên cứu, lập đề án:

- Phạm vi nghiên cứu: Toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Bình Định.
- Đối tượng nghiên cứu: Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt, dịch vụ và công nghiệp; nguồn cấp nước, công suất các nhà máy nước, các tuyến ống truyền tải chính có tính chất liên vùng.
- Giai đoạn nghiên cứu: Đến năm 2030, định hướng đến năm 2035.

3. Mục tiêu:

3.1. Mục tiêu tổng quát:

- Đảm bảo tính tiên tiến, khoa học trong đầu tư xây dựng và quản lý vận hành các hệ thống cấp nước; đồng bộ trong phát triển các hệ thống cấp nước, tạo sự kết nối mật thiết giữa các hệ thống một khoa học; đem lại hiệu quả cao nhất trong công tác đầu tư, xây dựng các hệ thống cấp nước; kịp thời thỏa mãn nhu cầu dùng nước của các đối tượng sử dụng nước sạch trong tương lai.
- Nâng cao chất lượng nước sạch, tiết kiệm nguồn nước và tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng cho công tác cấp nước. Đảm bảo an ninh nguồn nước và an toàn cấp nước.
- Đề xuất kế hoạch thực hiện, tiến độ đầu tư phát triển các hệ thống cấp nước phù hợp với tiến độ phát triển kinh tế xã hội của các khu vực, phân bổ nguồn vốn cho các giai đoạn phát triển các hệ thống cấp nước.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Mục tiêu đến năm 2030:

- Tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước sạch tại các đô thị đạt 100% với tiêu chuẩn cấp nước từ 115 lít/người/ngày đêm đến 140 lít/người/ ngày đêm (95% từ hệ thống cấp nước tập trung, phần còn lại từ các nguồn cấp nước hợp vệ sinh khác), chất lượng nước đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định; các khu công nghiệp được cấp nước đầy đủ theo yêu cầu áp lực và lưu lượng.
- Tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực đô thị lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 100%; tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch tại các đô thị là dưới 15%; dịch vụ cấp nước liên tục, đủ áp lực 24 giờ trong ngày.
- Tối thiểu 80% hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch với tiêu chuẩn cấp nước tối thiểu 80 lít/người/ ngày đêm, chất lượng nước đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định; đảm bảo cấp nước sạch sinh hoạt quy mô hộ gia đình cho các hộ dân tại những khu vực chưa có khả năng tiếp cận với nước cấp tập trung, vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn; tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực nông thôn được lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 75%.

b) Đến năm 2035:

100% dân cư đô thị và tối thiểu 90% hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch từ các trạm cấp nước tập trung; phần còn lại sử dụng các nguồn cấp

nước hợp vệ sinh khác; đảm bảo cấp nước an toàn cho sinh hoạt và sản xuất của đô thị, khu dân cư tập trung và khu công nghiệp.

4. Tổng hợp các chỉ tiêu cấp nước:

TT	Chỉ tiêu cấp nước	Đơn vị	Khu vực	Giai đoạn	
				Năm 2030	Năm 2035
1	Nước sinh hoạt				
	Tiêu chuẩn dùng nước	l/người/ng	Đô thị loại I, II		
			<i>Nội thành</i>	140	150
			<i>Ngoại thành</i>	115	130
			Đô thị loại III-V	115	130
			Dân cư nông thôn	80	100
	Tỷ lệ cấp nước (%)	% cấp nước	Đô thị loại I	100%	100%
			Đô thị II-V	95%	100%
			Nông thôn	80%	100%
			Miền núi	60%	80%
2	Nước công cộng, dịch vụ (%Qsh)	%Qsh	Đô thị loại I	10%	10%
			Đô thị loại II-V	10%	10%
			Nông thôn	8%	8%
3	Nước tưới cây, rửa đường (%Qsh)	%Qsh	Đô thị loại I	10%	10%
			Đô thị loại II-V	10%	10%
			Dân cư nông thôn	8%	8%
4	Nước tiểu thủ công nghiệp	%Qsh		6%	6%
5	Nước công nghiệp tập trung (m ³ /ha/ng)	m ³ /ha/ng	Tiêu chuẩn	25	25
		%	Tỷ lệ lấp đầy	70%	100%
6	Nước thất thoát (%)	%	Đô thị	12%	10%
			Nông thôn	13%	11%
7	Nước bản thân trạm (%)	%		4%	4%

5. Nguồn vốn thực hiện:

- Vốn Ngân sách nhà nước: Bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện theo quy định.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác: xã hội hóa, kêu gọi đầu tư, đối tác công tư (PPP), doanh nghiệp đang quản lý vận hành hệ thống cấp nước...

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan để tổ chức triển khai thực hiện nội dung cấp nước đô thị, khu kinh tế và các khu công nghiệp thuộc Đề án.

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh thực hiện các Chương trình, kế hoạch, dự án phát triển hệ thống cấp nước sạch theo từng giai đoạn.

- Tổ chức theo dõi việc đầu tư, phát triển đối với hệ thống cấp nước sạch đô thị, khu kinh tế và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; thẩm định phương án giá nước sạch khu vực đô thị, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tổng hợp cơ sở dữ liệu về cấp nước sạch đô thị; hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc quản lý cấp nước sạch đô thị trên địa bàn.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan để tổ chức triển khai thực hiện nội dung cấp nước khu vực nông thôn thuộc Đề án.

- Tổ chức theo dõi việc đầu tư, phát triển đối với hệ thống cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh; thẩm định phương án giá nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Tổng hợp cơ sở dữ liệu về cấp nước sạch nông thôn; hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc quản lý cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn.

- Tổ chức khoanh định, công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; ngưỡng khai thác nước dưới đất theo thẩm quyền.

- Phối hợp với các ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước.

- Thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước và cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước theo thẩm quyền; hướng dẫn việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định nhu cầu sử dụng đất xây dựng công trình cấp nước để cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thẩm định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất xây dựng công trình cấp nước theo quy định.

3. Các Sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm triển khai thực hiện, phối hợp thực hiện các nội dung, nhiệm vụ có liên quan, đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, tuân thủ theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án trong phạm vi địa bàn do mình quản lý.

- Tham mưu UBND tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước về hệ thống cấp nước sạch đô thị, nông thôn (nước đã qua xử lý, đảm bảo tiêu chuẩn về chất lượng sử dụng) trên địa bàn; phối hợp thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn.

- Phối hợp theo dõi việc triển khai quy hoạch cấp nước và các dự án đầu tư hệ thống cấp nước sạch trên địa bàn, đồng thời báo cáo kịp thời về UBND tỉnh và các sở, ngành liên quan về các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

5. Các đơn vị cấp nước

- Quản lý hệ thống cấp nước theo các quy định pháp luật đảm bảo việc cấp nước thường xuyên, liên tục, đảm bảo chất lượng, nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước.

- Chủ trì phối hợp với UBND các cấp tổ chức lập kế hoạch đầu tư hệ thống cấp nước do mình quản lý trên địa bàn theo Đề án.

- Lập và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn của hệ thống cấp nước do mình quản lý.

- Có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo an toàn cấp nước, chống thất thu, thất thoát nước sạch theo quy định.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị cấp nước và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3, K13, K17, K14.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng